

Vốn văn hóa trong phát triển kinh tế thị trường của người Dao: Một tiếp cận lý thuyết nhân học

Bùi Minh Hào^(*)

Tóm tắt: Trong nhiều năm qua, nghiên cứu phát triển miền núi chủ yếu tập trung vào việc diễn giải quá trình chuyển đổi từ kinh tế truyền thống sang kinh tế thị trường của các cộng đồng. Một điều rõ ràng là, sự phát triển kinh tế thị trường ở miền núi có vai trò quan trọng trong văn hóa cộng đồng. Qua nghiên cứu sự phát triển kinh tế thị trường của cộng đồng người Dao ở huyện Sa Pa (tỉnh Lào Cai), bài viết cố gắng làm rõ thêm vai trò của văn hóa trong quá trình phát triển qua khái niệm vốn văn hóa. Có thể coi đây là một phân tích mang tính lý thuyết về phát triển miền núi, là một khía cạnh góp phần thảo luận thêm về việc phân tích các yếu tố quan trọng mang tính quyết định đối với quá trình phát triển kinh tế thị trường ở miền núi.

Từ khóa: Vốn văn hóa, Lý thuyết nhân học, Kinh tế thị trường, Người Dao, Nhân học phát triển

Abstract: For several years, research on development issues in mountainous areas has basically focused on interpreting the transition from the traditional economy to the market economy. It is crystal clear that the development of market economy plays an important role in the mountainous community culture. Doing a case study on the development of the market economy of Dao ethnic minority people in Sapa district (Lao Cai Province), this article attempts to explicate the role of cultural capital in determining the development process. It can be considered as a theoretical analysis which makes a partial contribution on further analyzing the significantly decisive factors to the market economy development process in mountainous areas.

Key words: Cultural Capital, Anthropological Theory, Market Economy, Dao people, Development Anthropology

^(*) NCS. Khoa Nhân học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: buihao261@gmail.com

1. Sự phát triển kinh tế thị trường của người Dao ở huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

Người Dao ở Sa Pa có 15.326 người (2015), chiếm 25% dân số toàn huyện, chủ yếu thuộc ngành Dao Đỏ (Miền Xí), là một bộ phận quan trọng của người Dao ở Việt Nam. Trong xã hội truyền thống, người Dao chủ yếu sinh sống bằng nông nghiệp. Các ngành thủ công nghiệp tương đối phát triển, hướng vào sản xuất các đồ dùng thiết yếu cho cuộc sống sinh hoạt và sản xuất. Trong hơn hai thập niên qua, kinh tế của người Dao ở Sa Pa thay đổi nhanh chóng. Kinh tế thị trường ngày càng phát triển mạnh mẽ. Không chỉ tham gia các hoạt động kinh tế thị trường tại địa phương, một số người Dao còn hợp tác với các đại lý phân phối sản phẩm ở thành phố Lào Cai, ở Hà Nội và thậm chí qua Lào, Thái Lan.

Sự phát triển kinh tế thị trường của người Dao ở Sa Pa thể hiện trên hầu hết các lĩnh vực. Trong nông nghiệp, người Dao đang chuyển đổi từ tự cung tự cấp sang nền nông nghiệp phục vụ thị trường. Họ trồng các cây dược liệu như atiso, thuốc tắm để bán cho các doanh nghiệp; trồng cây thảo quả cũng đem lại nguồn thu quan trọng, là nguồn tiền để tích lũy của cải hay để làm những việc lớn. Người Dao cũng bắt đầu làm quen với việc nuôi cá hồi, nuôi gà đồi và trồng các loại rau sạch để bán cho các nhà hàng ở thị trấn Sa Pa. Trong thủ công nghiệp, thổ cẩm trở thành một loại hàng hóa quan trọng của người Dao. Câu lạc bộ thổ cẩm Tả Phìn có lúc tập hợp được gần 300 phụ nữ trong vùng. Sản phẩm thổ cẩm không chỉ để bán cho khách du lịch tại địa phương mà còn cung cấp cho các đại lý buôn bán hàng thủ công ở thị trấn Sa Pa, thành phố Lào Cai, Hà Nội và sang cả Lào, Thái Lan. Thuốc tắm người Dao Đỏ cũng trở thành một thương hiệu nổi tiếng mà Tả

Phìn là cái nổi sản xuất. Hàng năm Công ty thuốc tắm Tả Phìn thu về 4-5 tỷ đồng. Thương nghiệp và dịch vụ trước đây không thành một ngành thì hiện nay đã hình thành và phát triển khá mạnh. Ngoài các đặc sản, người dân bắt đầu biết kinh doanh thêm các mặt hàng khác. Hoạt động sôi động nhất chính là dịch vụ du lịch tại nhà. Riêng thôn Sả Xéng năm 2007 có 6 hộ kinh doanh du lịch tại nhà, năm 2015 có đến 21 gia đình và đầu năm 2018 là 26 gia đình. Không chỉ phục vụ du khách ăn nghỉ, họ còn chào bán thêm nhiều mặt hàng khác, hình thức tổ chức sản xuất cũng thay đổi. Bên cạnh sản xuất, kinh doanh theo gia đình truyền thống còn xuất hiện các hình thức tổ chức sản xuất mới như câu lạc bộ, hợp tác xã kiểu mới, công ty cổ phần... Đặc biệt, tư duy của người dân đang thay đổi nhanh chóng dưới tác động của kinh tế thị trường. Nếu trước đây, người dân bán những sản phẩm của mình ngay sau khi thu hoạch được thì nay họ biết lựa chọn thời điểm và đối tượng để bán được với giá cao nhất. Họ cũng biết sử dụng số tiền kiếm được để đầu tư tái sản xuất hiệu quả. Nhiều người Dao đã biết chủ động liên hệ với các công ty lữ hành, các đại lý bán hàng thủ công nghiệp nhằm tạo lập mạng lưới xã hội để kinh doanh.

2. Tiếp cận vốn văn hóa trong nghiên cứu sự phát triển kinh tế thị trường của người Dao từ góc độ lý thuyết

a. Nghiên cứu phát triển miền núi từ góc độ lý thuyết nhân học trong thời gian gần đây

Đã từng có cuộc tranh luận về người nông dân châu Á giữa J. Scott và S. Popkin cuối những năm 1970 khi J. Scott cho rằng người nông dân ở châu Á luôn tránh rủi ro, lựa chọn an toàn là trên hết trong việc đầu tư cuộc sống, đầu tư kinh tế (J. Scott, 1976); còn S. Popkin lập luận người nông dân châu

Á là người nông dân duy lý, luôn có những tính toán trong việc đầu tư để thu lợi ích, lợi nhuận cao nhất (S. Popkin, 1979).

Cuộc tranh luận này châm ngòi cho một công cuộc đa dạng hóa quan điểm trong nghiên cứu nhân học ở châu Á (và Việt Nam). F. Ellis (1993) đã mở rộng quan điểm kinh tế đạo đức của J. Scott khi phân tích các hành vi trong lựa chọn sự phát triển của người nông dân mà ông nghiên cứu. Tiếp theo đó, Jennifer Sowerwine (2008), từ một nghiên cứu cụ thể hơn về người Dao ở vùng núi Ba Vì (Hà Nội), củng cố quan điểm kinh tế duy tình mà J. Scott đặt ra khi nhấn mạnh sự an toàn trong lựa chọn phát triển kinh tế của người dân bản địa. Trong khi đó, tiếp cận từ khía cạnh lịch sử của phát triển kinh tế vùng, Oscar Salemink (2008) lại đặt ra vấn đề quan hệ kinh tế giữa các vùng lãnh thổ, qua đó người dân tự giải quyết các vấn đề phát triển quan trọng của mình.

Bên cạnh đó, nhiều học giả lại chú trọng nghiên cứu về những nhân tố ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi kinh tế của các tộc người ở miền núi. Jean Michaud (2010) từ tiếp cận lịch sử kinh tế khi nghiên cứu về người Hmông ở Lào Cai đã rút ra lập luận: kinh tế hàng hóa đã xuất hiện khá sớm ở cộng đồng dân cư này qua những trao đổi đặc sản của họ với các cộng đồng vùng thấp hơn, đặc biệt là việc sản xuất và kinh doanh cây thuốc phiện. Từ đó, Jean Michaud đưa ra quan điểm, kinh tế hợp tác xã đã hạn chế kinh tế hàng hóa của người dân bản địa. Sự chuyển đổi trong kinh tế hiện nay chỉ là quay lại với sự phát triển kinh tế mà người Hmông đã thực hiện từ trước. Từ nghiên cứu thực địa, Jean Michaud cũng đưa ra những giả định về lý thuyết mang tính phê phán trong nghiên cứu quá trình hiện đại hóa của người Hmông ở miền

núi Việt Nam: “Đối với nhiều tác giả của phong trào hiện đại hóa, sớm hay muộn thì những người dân vùng cao này cũng bắt đầu hưởng thụ thành quả của quá trình phát triển kinh tế, hoặc, từ một góc độ phê phán hơn, cũng trải nghiệm “sự tỉnh ngộ của thế giới”, cái làm hao mòn đặc điểm văn hóa, làm sứt mẻ các bản sắc, và trong trường hợp chúng ta quan tâm, là nó đã dần loại bỏ các hoạt động kinh tế truyền thống ra khỏi cấu hình văn hóa của họ” (Jean Michaud, 2010: 52). Tuy nhiên, cái nhìn mang nặng tính địa lý của họ cũng có những hạn chế nhất định khi sự khác biệt về địa lý đang dần mờ nhạt. Bên cạnh đó, tính đặc trưng văn hóa của các tộc người khác cũng có ảnh hưởng lớn trong quá trình hiện đại hóa và thị trường hóa ở miền núi hiện nay.

b. Lý thuyết vốn văn hóa và tiếp cận vốn văn hóa trong nghiên cứu phát triển

“Vốn văn hóa” (Cultural Capital) là một trong số những khái niệm “vốn” được nhà xã hội học Pháp Pierre Bourdieu xây dựng và vận dụng trong xã hội học, bên cạnh các khái niệm khác như vốn kinh tế, vốn xã hội và vốn biểu tượng. Năm 1986, P. Bourdieu đã trình bày có hệ thống hơn về hai khái niệm Vốn văn hóa và Vốn xã hội. Theo đó, vốn văn hóa tồn tại dưới ba trạng thái chủ yếu:

1- *Trạng thái thể hiện* (Embodied state) là các yếu tố văn hóa được thể hiện qua chủ thể của nó, tức là con người, là những yếu tố tồn tại hiện hữu và lâu dài trong tâm trí và cơ thể của con người chủ thể văn hóa. Nói cách khác, vốn văn hóa ở trạng thái thể hiện chính là tiềm lực về văn hóa của con người và năng lực vận dụng các yếu tố văn hóa để tạo ra giá trị trong quá trình phát triển. Vốn văn hóa ở trạng thái biểu hiện là hệ thống yếu tố văn hóa biểu hiện qua yếu tố con người.

2- *Trạng thái khách quan* (Objectified state) là hệ thống các yếu tố văn hóa ở dạng tồn tại hiện hữu khách quan ngoài con người, là những hình thức vật chất của vốn văn hóa như sách vở, công cụ, nhà cửa, trang thiết bị, máy móc... Cả những sản phẩm trí tuệ, tinh thần như các dấu tích (trace), việc thực hành các lý thuyết (realization of theories) hay phê bình các lý thuyết (critiques of theories)... cũng là vốn văn hóa ở trạng thái khách quan. Vốn văn hóa ở trạng thái khách quan có thể là sản phẩm của cá nhân hay cộng đồng được hiện hữu và có thể sử dụng để trao đổi, luân chuyển nhằm tạo ra giá trị.

3- *Trạng thái thể chế* (Institutionalized state) là những yếu tố văn hóa được tổ chức thành các khuôn mẫu, định hình cho sự tồn tại và hoạt động của các yếu tố văn hóa dựa trên những khuôn mẫu đó (P. Bourdieu, 1986).

Trong ba trạng thái này, Bourdieu nhấn mạnh vai trò của vốn văn hóa ở trạng thái thể hiện, tuy nhiên, ông cũng xác định rõ: “Hầu hết các thuộc tính của vốn văn hóa có thể được rút ra từ thực tế, ở trạng thái cơ bản của nó, nó được liên kết với chủ thể văn hóa và phỏng đoán hiện thân” (P. Bourdieu, 1986: 244).

Sau P. Bourdieu, khái niệm vốn văn hóa được nhiều nhà nghiên cứu vận dụng hoặc phê phán, bổ sung thêm. David Throsby (1999) phân tích khái niệm của P. Bourdieu trên phương diện kinh tế học. Trong khi đó, John H. Goldthorpe (2007) lại lập luận: vốn văn hóa là khái niệm cốt lõi nhất của P. Bourdieu, và nó đóng vai trò quan trọng trong các dự án lớn mà P. Bourdieu theo đuổi. Nó tích hợp và lý giải về sự bất bình đẳng giai cấp ở trình độ học vấn vào một lý thuyết rộng hơn về sinh sản xã hội. Nhưng cũng chính John

H. Goldthorpe đã đặt ra những hoài nghi về vai trò của khái niệm vốn văn hóa trong nghiên cứu giáo dục. Quan điểm của John H. Goldthorpe đã được Michael Tzanakis (2011) chứng minh trong một nghiên cứu thực nghiệm lớn hơn và đi đến lập luận rằng, khái niệm vốn văn hóa và lý thuyết sản sinh xã hội của P. Bourdieu không hợp lý khi nghiên cứu giáo dục ở quy mô lớn trong xã hội đa văn hóa.

Dù còn nhiều tranh luận nhưng không thể phủ nhận rằng từ khi xuất hiện, khái niệm vốn văn hóa đã tạo ra những ảnh hưởng lớn trong nghiên cứu xã hội học. Tiêu biểu có thể điểm qua là những nghiên cứu của P. Dimaggio (1982); P. Dimaggio và J. Mohr (1985); J. Katsillis và R. Robinson (1990); M. Kalmijn và G. Kraaykamp (1996); G. W. J. M. Driessen (2001); A. Sullivan (2001 và 2007); A. Lareau và E. B. Weininger (2003); Gordon Fyfe (2004)...(*)

(*) Xem thêm: A. Sullivan (2001), “Cultural Capital and Educational Attainment”, *Sociology* 35, 4, 893-912; A. Sullivan (2007), “Cultural Capital, Cultural Knowledge and Ability”, *Sociological Research Online* 12, 6, 1; M. Kalmijn and G. Kraaykamp (1996), “Race, Cultural Capital and Schooling: An Analysis of Trends in the United States”, *Sociology and Education* 69, 1, 22-34; A. Lareau and E. B. Weininger (2003), “Cultural Capital in Educational Research: A Critical Assessment”, *Theory and Society* 32, 5-6, 567-606; Gordon Fyfe (2004), “Reproductions, cultural capital and museums: aspects of the culture of copies”, *Museum and Society*, Mar 2004. 2 (1) 47-67; G. W. J. M. Driessen (2001), “Ethnicity, Forms of Capital and Educational Achievement”, *International Review of Education* 47, 6, 513-538; P. Dimaggio (1982), “Cultural Capital and School Success: The Impact of Status Culture Participation on the Grades of US High School Students”, *American Sociological Review* 47, 2, 189-201; P. Dimaggio and J. Mohr (1985), “Cultural Capital, Educational Attainment and Marital Selection”, *American Journal of Sociology* 90, 6, 1231-1261.

Ở Việt Nam, từ đầu những năm 2000, nhiều nhà nghiên cứu đã quan tâm và vận dụng các khái niệm về vốn của P. Bourdieu, chủ yếu tập trung vào vốn xã hội. Đề tài này thu hút nhiều nhà nghiên cứu như Trần Hữu Dũng, Phan Đình Diệu, Đặng Kim Sơn, Lê Đăng Doanh, Nguyễn Quân, Trần Ngọc Thơ, Trần Hữu Quang, Bùi Văn Nam Sơn,...^(*), Nguyễn Vũ Hoàng (2008), Hoàng Bá Thịnh (2008 và 2009), Lê Minh Tiến (2014),... Trong khi đó, khái niệm vốn văn hóa, một khái niệm khác được P. Bourdieu xây dựng và rất coi trọng lại ít được thảo luận. Chỉ một số ít nhà nghiên cứu quan tâm đề cập. Trần Đình Hượu (1996) đã quan tâm đến vốn văn hóa. Tuy nhiên, khái niệm vốn văn hóa theo cách hiểu của ông khác với khái niệm mà P. Bourdieu đưa ra, nhưng vẫn có những điểm chung quan trọng. Đó là sự thể hiện của văn hóa trong quá trình phát triển, là vai trò của văn hóa đối với sự phát triển. Trần Hữu Dũng (2002), khi phân tích các khía cạnh của vốn văn hóa trong quá trình phát triển, dù có đề cập đến khái niệm vốn văn hóa của P. Bourdieu nhưng Trần Hữu Dũng lại lựa chọn cách phân tích đơn giản và dễ hiểu hơn. Ông phân chia vốn văn hóa thành vốn văn hóa vật thể và vốn văn hóa phi vật thể; xem vốn văn hóa là điều kiện, kết quả của các hoạt động của con người sản sinh ra và nó ảnh hưởng lại quá trình phát triển. Khi trình bày về khái niệm vốn văn hóa, Trần Hoài Sơn (2008) lại nhấn mạnh đến việc nhiều nhà nghiên cứu trong lĩnh vực nghiên cứu mỹ thuật và giải trí vận dụng mà chưa đề cập đến những giá trị ban đầu trong nghiên cứu giáo dục học, hay trong nghiên cứu phát triển sau này.

(*) Xem thêm: Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Vốn xã hội trong phát triển” do Tạp chí *Tia Sáng* - Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức ngày 24/6/2006.

Có thể nói, vốn văn hóa là một khái niệm trừu tượng, nhiều người còn gán ghép nó vào các khái niệm khác nhau. Trong bài viết này, vốn văn hóa được hiểu là các yếu tố văn hóa cộng đồng có khả năng luân chuyển và tạo ra các giá trị kinh tế trong quá trình tham gia thị trường của chủ thể văn hóa. Theo đó, vốn văn hóa được phân tích theo ba trạng thái mà P. Bourdieu đã trình bày, nhưng cũng có mối liên hệ với cách thức mà Trần Hữu Dũng và các tác giả khác đã đề cập đến.

c. Tiếp cận vốn văn hóa trong nghiên cứu sự phát triển kinh tế thị trường của người Dao từ góc độ lý thuyết

Khi nghiên cứu về sự phát triển của kinh tế thị trường ở miền núi nói chung và của người Dao ở Sa Pa nói riêng, có một vấn đề đặt ra là: Tại sao trong một môi trường khá tương đồng nhưng các cộng đồng lại có những cách tiếp cận với kinh tế thị trường khác nhau? Điều gì tạo ra tình trạng đó? Hay nói cách khác là yếu tố gì đang quyết định đến các đặc điểm của các tộc người khi bước chân vào kinh tế thị trường? Một giả định lý thuyết rằng, phải chăng chính sự khác biệt về văn hóa đã ảnh hưởng quyết định đến quá trình tiếp cận kinh tế thị trường của các cộng đồng. Đó là sự khác biệt về vốn văn hóa. Vậy, vốn văn hóa của người Dao ở Sa Pa thể hiện như thế nào trong quá trình họ tiếp cận kinh tế thị trường?

Ở trạng thái khách quan, vốn văn hóa của người Dao tồn tại dưới dạng vật thể và phi vật thể. *Vốn văn hóa vật thể* là những giá trị văn hóa được thể hiện bằng vật chất, nhìn thấy được, cầm nắm được và có vai trò gắn với quá trình phát triển kinh tế của người Dao. Vốn văn hóa vật thể bao gồm nhiều thể loại khác nhau. Trước hết là các ngôi nhà sàn (và một số nhà sệt) để phục vụ phát triển du lịch tại nhà. Nhà người

Dao tương đối rộng rãi, hiện nay được bố trí khá sạch sẽ nhưng vẫn giữ được nhiều nét truyền thống. Nó khác với các ngôi nhà của nhóm người Hmông bên cạnh khi họ sở hữu những ngôi nhà bé, hẹp và không sạch bằng nhà của người Dao. Chính nhà sàn rộng rãi là điểm mạnh để người Dao phát triển dịch vụ du lịch tại nhà. Bởi khi phát triển du lịch tại nhà thì cần phải ngăn chia ngôi nhà thành nhiều ô để phục vụ các du khách khác nhau. Thứ hai là sản phẩm thổ cẩm của người Dao. Thổ cẩm của người Dao đẹp mắt, được sản xuất công phu và cũng dễ sử dụng, không quá cầu kỳ như một số dân tộc khác. Thứ ba là hệ thống các loại thuốc, đặc biệt là thuốc tắm người Dao nổi tiếng được chiết xuất theo các bài thuốc dân gian. Cùng với đó, người Dao cũng có nhiều sản phẩm nông nghiệp có giá trị để đưa ra thị trường như thảo quả, cây đặc sản... Các món ăn của người Dao cũng dễ sử dụng, có đặc trưng riêng nhưng cũng phù hợp với nhiều đối tượng khác nhau. Toàn bộ những vốn văn hóa vật chất này được P. Bourdieu xếp vào thể trạng khách quan của vốn văn hóa, còn Trần Hữu Dũng lại gọi là vốn văn hóa vật thể. Những vốn văn hóa vật thể này là cơ sở quan trọng cho người Dao tiếp cận kinh tế thị trường. *Dạng phi vật thể, vốn văn hóa* là những giá trị văn hóa mang tính tinh thần, chỉ nhìn thấy được khi nó thể hiện qua các vật chất khác nhau. Tất nhiên, sự phân chia thành vốn văn hóa vật thể và phi vật thể chỉ là tương đối, chủ yếu về mặt nhận thức luận, còn thực tế thì có nhiều cái là vật thể nhưng được sản sinh ra từ giá trị văn hóa phi vật thể. Vốn văn hóa phi vật thể của người Dao khá đa dạng. Quan trọng nhất có thể kể đến là tri thức về y học cổ truyền. Nhiều mặt hàng liên quan đến các loại thuốc mà nổi bật nhất là thuốc tắm chính là sự thể hiện của hệ thống tri thức y học cổ truyền của người

Dao. Chính những tri thức dân gian này khi được thương mại hóa đã trở thành những sản phẩm hàng hóa độc đáo và ngày càng đa dạng. Tiếp theo là những kinh nghiệm, tri thức về thủ công nghiệp, nổi bật là nghề sản xuất thổ cẩm truyền thống. Thổ cẩm đang trở thành hàng hóa khá được giá nên nhiều người quay lại học cách làm và bổ sung những tri thức, kỹ năng, kinh nghiệm về nghề dệt thêu làm cho nghề thủ công này trở lại. Bên cạnh đó, những phong tục tập quán, những tri thức văn hóa truyền thống như múa, hát, hay các nghi lễ truyền thống của người Dao cũng là một loại vốn có vai trò thu hút du khách đến với họ.

Trạng thái thể hiện của vốn văn hóa là tiềm lực văn hóa và năng lực vận dụng các yếu tố văn hóa vào quá trình phát triển của con người. Con người là những chủ thể biểu hiện và sử dụng các loại vốn văn hóa khi tiếp cận thị trường. Một văn bằng, chứng chỉ, chức danh hay cả tâm, sinh lý, vị thế, hình thể... khi được con người chủ thể vận dụng vào quá trình phát triển thì đều là vốn văn hóa ở trạng thái thể hiện. Theo đó, người Dao là cộng đồng có tâm lý tương đối hướng ngoại. Họ sống linh động, dễ hòa nhập hơn so với một số cộng đồng khác. Họ thích tiếp xúc và chia sẻ với các cộng đồng khác, cởi mở hơn về mặt văn hóa nên dễ gần gũi với các cộng đồng lạ, nhất là khách du lịch. Tuy nhiên, trong cùng một cộng đồng người Dao, thì vốn văn hóa thể hiện của mỗi người cũng khác nhau nên không phải tất cả đều tiếp cận được thị trường. Bên cạnh đó, tâm lý vững vàng và sự giao lưu, mở rộng quan hệ sẽ là nền tảng để họ phát triển kinh tế thị trường của mình. Như vậy, để phát triển được kinh tế thị trường, ngoài các điều kiện về vốn văn hóa vật thể như đã nói, còn phải có nhiều tri thức về văn hóa truyền thống, tri thức về y học hay về các nghề thủ

công và sử dụng những cái đó làm cơ sở tạo lập mối quan hệ xã hội, mạng lưới xã hội để gia nhập thị trường. Đó là sự luân chuyển từ vốn văn hóa sang vốn xã hội mà chính P. Bourdieu (1986) cũng nhấn mạnh trong quá trình nghiên cứu.

Ở trạng thái thể chế, vốn văn hóa là hệ thống các quy tắc, quy định, luật lệ liên quan đến cuộc sống xã hội và quy định các hành vi cá nhân cũng như cộng đồng trong cuộc sống của họ. Nếu mở rộng hơn nữa thì vốn văn hóa thể chế còn là hệ thống chính sách của Nhà nước liên quan đến quá trình phát triển của họ. Tuy nhiên, trong nghiên cứu này chúng tôi tạm gác các chính sách nhà nước qua một bên khi nó tác động chung cho cả nước hay cả vùng chứ không chỉ cho một cộng đồng tộc người riêng biệt. Ở đây chúng tôi muốn nói đến vốn văn hóa thể chế của người Dao, đó là hệ thống phong tục tập quán, luật lệ, quy tắc quy định hành vi ứng xử của người Dao mà có thể trở thành nguồn lực trong phát triển kinh tế thị trường. Là xã hội theo chế độ phụ hệ nhưng quan hệ giữa đàn ông với phụ nữ ở người Dao khá bình đẳng. Phần lớn những người tham gia vào dịch vụ du lịch tại nhà, buôn bán thuốc tẩm, thổ cẩm là phụ nữ. Những người đàn ông tham gia làm các việc trong gia đình nhiều hơn để vợ, con có nhiều thời gian tham gia vào hoạt động thị trường. Khi có khách du lịch đến ăn ở tại nhà, người phụ nữ vẫn là người giao tiếp chủ yếu, các giao dịch với khách hàng đều do người phụ nữ thực hiện. Càng ngày những phong tục tập quán, luật lệ của họ cũng càng có nhiều thay đổi, ngoài những thể chế quan trọng để duy trì nền tảng xã hội truyền thống với các thiết chế gia đình, dòng họ, làng bản thì phần lớn những thể chế phức tạp được họ đơn giản hóa hoặc phổ biến hơn cho khách du lịch có thể tham quan.

3. Kết luận

Nói tóm lại, những đặc trưng về vốn văn hóa đã góp phần quy định những đặc điểm quan trọng trong hoạt động kinh tế thị trường của người Dao ở Sa Pa. Tuy nhiên, điều đó liệu có đủ sức thuyết phục rằng, chính vì sở hữu nguồn vốn văn hóa như vậy mà hoạt động kinh tế thị trường của người Dao có nhiều khác biệt so với các cộng đồng khác hay không? Có lẽ chưa đủ. Có thể nói rằng, vốn văn hóa của người Dao đã ảnh hưởng rất lớn đến quá trình tiếp cận thị trường của họ. Nhưng để chứng minh điều đó thì cần phải có những nghiên cứu so sánh với các cộng đồng tộc người khác. Việc phân tích vốn văn hóa cũng là một cách tiếp cận, một lăng kính có thể giúp chúng ta tìm hiểu, giải thích các đặc trưng trong sự phát triển kinh tế thị trường của người Dao.

Tiếp cận vốn văn hóa trong nghiên cứu phát triển vẫn còn là một phương pháp tiếp cận khá lạ lẫm ở Việt Nam. Lạ bởi ít được quan tâm, ít công trình nghiên cứu đã công bố đề cập đến. Vậy nên tính hợp lý của phương pháp này cũng cần phải thảo luận thêm. Bên cạnh thảo luận về bản thân khái niệm thì cũng phải có những vận dụng vào các trường hợp cụ thể để tiếp tục góp phần thảo luận về tính khả thi khi vận dụng. Nhưng phân tích ở trên mới đang nhấn mạnh từ góc độ lý thuyết. Và cần phải có những nghiên cứu trường hợp cụ thể với khung phân tích chi tiết hơn để đánh giá lại phương pháp tiếp cận này □

Tài liệu tham khảo

1. P. Bourdieu (1986), "The Forms of Capital", In: J. G. Richardson (ed.) *Handbook of Theory and Research for the Sociology of Education*, New York, Greenwood Press., pp. 241-258.

2. David Throsby (1999), “Cultural Capital”, *Journal of Cultural Economics*, 23, 3-12, 1999.
3. Trần Hữu Dũng (2002), “Vốn văn hóa”, Tạp chí *Tia Sáng*, Số Xuân 2002, <http://www.viet-studies.info/THDung/VonVanHoa.htm>
4. Frank Ellis (1993), *Peasants Economics: Farm Households and Agrarian Development*, 2nd Edition, Cambridge University Press.
5. J. H. Goldthorpe (2007), “Cultural Capital”: Some Critical Observations”, *Acta Sociologica*, 50, 3, 211-229.
6. Nguyễn Vũ Hoàng (2008), “Vốn xã hội trong đô thị: một nghiên cứu nhân học về hành động tập thể ở một dự án phát triển đô thị tại Hà Nội”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 5, tr. 11-26.
7. Trần Đình Hượu (1996), “Một số mặt của vốn văn hóa truyền thống”, Trong: *Đến hiện đại từ truyền thống*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
8. Michael Tzanakis (2011), “Bourdieu’s Social Reproduction Thesis and The Role of Cultural Capital”, *Educational Attainment: A Critical Review of Key Empirical Studies. Educate*, Vol. 11, No. 1, 2011, pp. 76-90.
9. Oscar Salemink (2008), “Một góc nhìn từ vùng cao: phân lịch sử quan trọng về mối quan hệ giữa đồng bằng và miền núi ở Việt Nam”, Trong: *Thời kỳ mở cửa: Những chuyển đổi kinh tế - xã hội ở vùng cao Việt Nam*, Nxb. Khoa học kỹ thuật, Hà Nội, tr. 11-36.
10. James C. Scott (1976), *The Moral Economy of the Peasant: Rebellion and Subsistence in Southeast Asia*, Yale Univ. Pr., USA.
11. Samuel L. Popkin (1979), *The rational Peasant, The political Economy of rural Society in Vietnam*, University of California Press, Ltd. USA.
12. Trần Hoài Sơn (2008), “Vốn văn hóa”, Trong: *30 thuật ngữ nghiên cứu văn hóa*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 519-528.
13. Jean Michaud (2010), “Nghiên cứu về kinh tế và bản sắc của người H’mông ở Việt Nam”, Trong: *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, tr. 42-70.
14. Jennifer Sowerwine (2008), “Nhà nước biến đổi và các quy luật thị trường: biến đổi ruộng đất và nền kinh tế thị trường duy tình ở vùng núi Ba Vì, Việt Nam”, Trong: *Thời kỳ mở cửa: Những chuyển đổi kinh tế - xã hội ở vùng cao Việt Nam*, Nxb. Khoa học kỹ thuật, Hà Nội, tr. 37-64.